TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29- 11 – 2019
V/v: Ly hôn, giao con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Ngọc L

Ông Điểu Mẫn

- ***T ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lan– T ký Tòa án nhân dân huyện H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn, giao con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Thị L, sinh năm 1993; (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Trú tại: Tổ 01, ấp 03, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn*: Anh Điểu D, sinh năm 1989; (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 01, ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2019, bản tự khai và và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị L trình bày:

Chị Thị L và anh Điểu D sau thời gian tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2011, cấp ngày 31/5/2011; được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới; sau khi kết hôn chị L và anh D sinh sống cùng với gia đình nhà chị L tại ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước

cho đến nay; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh D Tòng xuyên nhậu nhẹt không chăm lo cho gia đình vợ con, anh D đi làm về không có mang tiền về nhà, dẫn đến vợ chồng Tòng xuyên cãi vã nhau, đến tháng 6/2019 thì anh D về nhà mẹ đẻ của anh D tại ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước sinh sống từ đó vợ chồng sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên chị Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Điểu D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên: Điểu Minh H, sinh năm: 2012 và Điểu Thị Minh T, sinh năm: 2018, nay ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 người con chung cháu H và cháu T, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay các con chung đang ở với chị L từ khi vợ chồng sống ly thân, chị làm công nhân xí nghiệp của Công ty L thu nhập bình quân mỗi tháng từ 6-7 triệu đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án đã thụ lý đơn kiện xin ly hôn thụ lý vụ án của chị Thị L, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh D nhiều lần đến tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng mặc dù anh D đã nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ việc; tại phiên tòa anh D cũng vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng; do nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án xác định: chị Thị L và anh Điểu D xác định tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh D mâu thuẫn trầm trọng thể hiện chị L và anh D đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa; quá trình Tòa án xác minh được ban ấp nơi các đương sự sinh sống xác định tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh D Tòng xuyên cải vã lẫn nhau, do anh D hay nhậu nhẹt không chăm lo cho gia đình vợ con nên mâu thuẫn đã trầm trọng; quá trình hòa giải đoàn tụ anh D không có mặt, thể hiện anh D không còn quan tâm gì đến tình cảm vợ chồng, không muốn hòa

giải đoàn tụ; tại phiên tòa anh D cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án xem như anh từ bỏ quyền lợi của mình tại phiên tòa; căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L cho chị L được ly hôn với anh D.

Về con chung: Do quá trình giải quyết vụ án không làm việc được với anh D; căn cứ vào điều kiện công việc và hiện nay các con đang ở với chị L và nguyện vọng của các con cần giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: nguyên đơn khai không có nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điểu D, anh D có nơi cư trú tại tổ 01, ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh D cũng vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa hôm nay chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Điểu D và chị Thị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Thị L và anh Điểu D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 9 và điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, do vợ chồng Tờng xuyên cải vã nhau, anh D Tờng xuyên nhậu nhẹt, đi làm về không lo cho gia đình vợ con, mục đích hôn nhân không đạt được; nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Điểu D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên bản xác minh ngày 19/9/2019 được ấp trưởng ấp 03, xã A, huyện H cho biết mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài; thể hiện anh D thường xuyên nhậu nhẹt không chăm lo cho gia đình vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về phiên họp kiểm

tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, anh D nhận được nhưng anh D không lên tòa để làm việc. Từ những căn cứ trên xác định quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh D mâu thuẫn xảy ra nhiều năm liền, việc này địa phương cũng xác nhận; quá trình tòa án mời anh D đến tòa án để làm việc, tiến hành hòa giải để anh, chị về đoàn tụ nhưng anh D vẫn không đến tòa để làm việc xem như từ chối hòa giải đoàn tụ; tại phiên tòa hôm nay anh D vẫn vắng mặt lần thứ hai nên xem như từ bỏ quyền của mình. Từ những phân tích trên xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được; để ổn định cuộc sống cho các bên sau này cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Thị L; cho chị L ly hôn với anh Điểu D.

[3] Về con chung: Căn cứ trình bày của chị L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa thì xác định quá trình chung sống chị L và anh D có 02 con chung tên Điểu Minh H, sinh năm: 2012 và Điểu Thị Minh T, sinh năm: 2018, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình làm việc chị L cung cấp về tài liệu chứng cứ về thu nhập của chị L, chị L làm công nhân xí nghiệp thu nhập ổn định 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng; quá trình không làm việc được với anh D nên không lấy được ý kiến của anh D nên không biết được nguyện vọng về việc trực tiếp nuôi con của anh D; quá trình ly thân thì các con được chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển bình Tờng của con chung cần chấp nhận yêu cầu về giao con chung của chị L; cần giao cả 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Thị L

1. Về quan hệ hôn nhân. Chị Thị L được ly hôn với anh Điểu D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2011, quyển số 01/2011, cấp ngày 31/5/2011, do Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Điểu Minh H, sinh năm: 2012 và Điểu Thị Minh T, sinh năm: 2018 cho chị Thị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh Điểu D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005472 ngày 28/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. H
- Chi cục THADS H. H;
- Đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học